

Đảo ngữ là hiện tượng đảo ngược vị trí động từ hoặc trợ động từ lên trước chủ ngữ nhằm mục đích nhấn mạnh.. Trong trường hợp đó ngữ pháp sẽ thay đổi, đằng sau phó từ đứng đầu câu là trợ động từ rồi mới đến chủ ngữ và động từ chính

1. Đảo ngữ với "No" và "Not"

Với S là chủ ngữ, V là động từ, N là danh từ, Clause là mệnh đề, adv là trạng từ, adj là tính từ.

No + N(noun) + Trợ động từ + S + V(nguyên thể)

Not any + N + Trợ động từ + S + Verb (inf)

Ví dụ:

- No money shall I lend you from now on.

Bằng với: Not any money shall I lend you from now on)

2. Đảo ngữ với các trạng từ phủ định: "Never, Rarely, Seldom, Little, Hardly ever,..."

Never/Rarely/Seldom/Little/Hardly/ever + Trợ động từ + S + V

Ví dụ:

- Never in Mid-summer does it snow.

(Không bao giờ giữa mùa hè có tuyết)

- Hardly ever does he speak in the public.

(Hầu như k bao giờ a ấy nói ở nơi công cộng)

3. Đảo ngữ với "Only"

Only once + Trợ động từ + S + V

Only later + Trợ động từ + S + V

Only in this way + Trợ động từ + S + V

Only in that way + Trợ động từ + S + V

Only then + Trợ động từ + S + V

Only after + N

Only by V_ing/N

Only when + clause

Only with + N

Only if+ clause

Only in adv of time/place

Ví dụ:

- Only once did I meet her.

(Tôi chỉ gặp cô ấy 1 lần)

- Only after all guests had gone home could we relax.

(Chúng ta có thể thư giãn khi mà mọi người đã ra về)

- Only when I understand her did I like her.

(Tôi thích cô ấy khi mà tôi hiểu được cô ấy)

- Only by practising English every day can you speak it fluently.

(Chỉ bằng cách luyện tập tiếng Anh mỗi ngày bạn có thể nói nó lưu loát)

4. Đảo ngữ với các cụm từ có No

At no time + Trợ động từ + S + N

On no condition + Trợ động từ + S + N

On no account + Trợ động từ + S + N

Under/in no circumstances + Trợ động từ + S + N

For no reason + Trợ động từ + S + N

In no way + Trợ động từ + S + N

No longer + Trợ động từ + S + N

Ví dụ:

- For no reason shall you play truant.

(Không có lý do gì để bạn nghỉ học)

- The money is not to be paid under any circumstances.

Bằng với: Under no circumstances is the money to be paid.

(Khoản tiền này không được thanh toán trong bất kỳ trường hợp nào)

- On no condition shall we accept their proposal.

(Không có điều kiện chúng tôi sẽ chấp nhận đề nghị của họ)

5. No sooner...than... = Hardly/Barely/Scarcely...when/before... (Vừa mới... thì...)

No sooner had + S + V(PP/V3) + than + clause (mệnh đề thường ở thì quá khứ đơn).

Hardly/Barely/Scarcely had + S + V(PP/V3) + when/before + clause(mệnh đề thường ở thì quá khứ đơn)

Ví dụ:

- No sooner had I arrived home than the telephone rang.

(Tôi vừa về tới nhà thì điện thoại reo)

- Hardly/Scarcely/Barely had we sat down at the table, when the phone rang

(Chúng tôi vừa ngồi xuống bàn thì điện thoại reo)

6. Đảo ngữ với Not only...but also...

Not only: mệnh đề đảo

But...also: mệnh đề thường.

Not only + Trợ động từ/be + S + V + but + S + also

Ví dụ:

- Not only is he good at English but he can also draw very well.

(Anh ta không chỉ giỏi tiếng Anh mà anh ta còn vẽ rất đẹp)

- Not only do we finish this work but we also work overtime.

(Không những phải làm xong công việc này mà chúng tôi còn phải làm thêm giờ nữa)

7. Đảo ngữ với "So"

So + Adj/Adv + Trợ động từ + S + V + that-clause(mệnh đề danh từ)

Ví dụ:

- So dark is it that I can't write.

(Tôi không thể viết vì quá tối)

- So busy am I that I don't have time to look after myself.

(Tôi không có thời gian chăm sóc bản thân vì quá bận)

- So difficult was the exam that few student pass it.

- So attractive is she that many boys run after her.

8. So + adj + be + N + clause

Ví dụ:

- So intelligent is that she can answer all questions in the interview.

(Cô ấy có thể trả lời tất cả câu hỏi trong buổi phỏng vấn vì cô ấy rất tự tin)

9. Đảo ngữ với until/till + clause/Adv of time + Trợ động từ + S + V(Cho đến khi...)

Ví dụ:

- I won't come home till 10 o'clock.

Bằng với: Not until/ till o'clock that I will come home.

Bằng với: It is not until 10 o'clock that I will come home.

(Tôi k muốn về nhà cho đến khi 10 giờ)

- I didn't know that I had lost my key till I got home.

Bằng với: Not until/ till I got home did I know that I had lost my key.

(Tôi không biết tôi làm mất chìa khóa cho đến khi tôi về nhà)

10. Đảo ngữ với No where + Aux (Trợ động từ) + S + V(Không nơi nào...)

Ví dụ:

- No where in the Vietnam is the scenery as beautiful as that in my country.

(Không nơi nào ở Việt Nam có phong cảnh đẹp như ở quê tôi)

- No where do I feel as comfortable as I do at home.

(Không nơi nào tôi cảm thấy thoải mái như ở nhà)

- No where can you buy the goods as good as those in my country.

(Không có nơi nào bạn có thể mua hàng hoá tốt như ở nước tôi)